

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 56 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11- 2019

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Suốt

2. Bà Lý Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Sơn Thị L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 161 ấp G, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Thạch Hoàng Th, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp M, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2019 và biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện T chị Sơn Thị L trình bày:

Chị Sơn Thị L và anh Thạch Hoàng Th xây dựng hôn nhân vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 162 ngày 28 tháng 11 năm 2016. Sau khi kết hôn anh Th về sống chung bên nhà cha mẹ chị L tại ấp G, xã D, trong quá trình chung sống, chị L và anh Th chưa có con chung. Quá trình sống chung, vợ chồng thường phát mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau do tính tình không hợp, nguyên nhân chính do anh Th không quan tâm đến vợ thường xuyên ăn nhậu và có lời hăm dọa dùng vũ lực

với chị và xử sự không đúng mực, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đối với chị và gia đình cha mẹ chị dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị và anh Th hai người sống ly thân nhau từ đầu năm 2017, nay chị L yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị Sơn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Hoàng Th.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo triệu tập anh Th đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th không đến tham gia phiên họp và hòa giải và không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh Th đối với yêu cầu khởi kiện của chị L cũng như không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh Th đối với yêu cầu khởi kiện của chị L được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Th. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị L phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Sơn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Thạch Hoàng Th và hiện nay anh Th cư trú tại ấp M, xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Thạch Hoàng Th đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng anh Th vắng mặt không lý do nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Th đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th đều vắng mặt không lý do và nguyên đơn chị Sơn Thị L cũng có đơn yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Sơn Thị L và anh Thạch Hoàng Th.

[2] Về nội dung: L và anh Th xây dựng hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 28/11/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị L và anh Th sống hạnh phúc không lâu vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chị L cho rằng trong cuộc sống vợ chồng anh Th thiếu quan tâm đến chị, anh Th thường xuyên ăn nhậu và hăm dọa dùng vũ lực với chị và thường dùng những lời lẽ thô tục đối với chị và xem thường đối với gia đình bên vợ dẫn đến vợ chồng sống nhau không hạnh phúc và hai người ly thân nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Xét thấy từ ngày chị L và anh Th sống ly thân đến nay hai người cũng không có biện pháp gì hàn gắn lại và anh Th cũng biết được việc chị L yêu cầu ly hôn đối với anh nhưng anh Th cũng không có thiện chí hàn gắn nên các lần Tòa án mời hòa giải thì anh Th đều vắng mặt, từ phân tích trên xét thấy giữa chị L và anh Th hai người ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, thời gian ly thân khá lâu tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L xin ly hôn với anh Th là cần thiết. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị L đối với anh Thạch Hoàng Th là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Sơn Thị L xác định vợ chồng không có con chung, anh Th cũng không thể hiện có tranh chấp về con chung và không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị L xác định không có tài sản chung và nợ chung, anh Th cũng không thể hiện có tranh chấp tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Sơn Thị L phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[7] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Sơn Thị L, chị Sơn Thị L được ly hôn đối với anh Thạch Hoàng Th.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Sơn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Sơn Thị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009070 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã D;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ..... phút, ngày 12 tháng 11 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Minh Suốt

2. Bà Lý Thị Đào

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:231/2019/TLST – HNGĐ ngày 20/8/2019 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: chị Sơn Thị Liễu, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 161 ấp Tắc Gông, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Thạch Hoàng Thân, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Trà Mệt, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, THỐNG NHẤT 3/3
Ý KIẾN CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Sơn Thị Liễu, chị Sơn Thị Liễu được ly hôn đối với anh Thạch Hoàng Thân.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Sơn Thị Liễu phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Sơn Thị Liễu đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009070 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ phút, ngày 12 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Út